

BÀI TRẮC NGHIỆM LÝ THUYẾT: THÌ HIỆN TẠI ĐƠN

Học sinh chọn đáp án đúng nhất cho mỗi câu hỏi.

1. Thì hiện tại đơn có bao nhiêu loại động từ?

- a. 1
- b. 2
- c. 3

2. Động từ tobe trong thì hiện tại đơn gồm những từ nào?

- a. am, is, are
- b. was, were
- c. be, being, been

3. Động từ tobe có bao nhiêu nghĩa/cách dùng chính?

- a. 1
- b. 2
- c. 3

4. Ý nghĩa chính của tobe là gì?

- a. Là, thì, ở
- b. Có, nhận, lấy
- c. Làm, thực hiện

4.1. Khi nào sử dụng động từ **tobe**

- a. Khi xảy ra hành động
- b. Khi không xảy ra hành động

4.2. Khi nào sử dụng **động từ thường**

- a. Khi xảy ra hành động
- b. Khi không xảy ra hành động

5. Khi nào chúng ta sử dụng thì hiện tại đơn?

- a. Nói về quá khứ
- b. Nói về thói quen, sự thật, lịch trình
- c. Nói về tương lai

6. Khi chia động từ với he/she/it, chúng ta cần làm gì?

- a. Thêm ing
- b. Thêm s hoặc es
- c. Thêm ed

7. Khi nào thêm es vào sau động từ?

- a. Khi động từ kết thúc bằng o, s, x, ch, sh, z
- b. Khi động từ kết thúc bằng e
- c. Khi động từ có 2 âm tiết

8. Dạng số ít là gì?

- a. Danh từ hoặc chủ ngữ chỉ một người, vật
- b. Danh từ hoặc chủ ngữ chỉ nhiều người, vật
- c. Không xác định

9. Dạng số nhiều là gì?

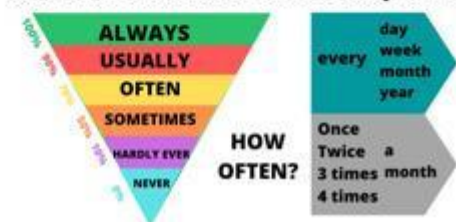
- a. Chỉ một người hoặc vật
- b. Chỉ nhiều người hoặc vật
- c. Không xác định

10. Trong câu hỏi, động từ thường sử dụng với trợ động từ nào?

- a. Do/Does
- b. Am/Is/Are
- c. Did

11. Dưới đây là hình ảnh danh sách các từ gì |

ADVERBS & EXPRESSIONS OF FREQUENCY



- a. Trạng từ chỉ nơi chốn
- b. Trạng từ chỉ tần suất
- c. Tính từ chỉ thời gian
- d. Tính từ chỉ tần suất

LIVEWORKSHEETS